

# Ba mươi tháng tư “Đổ tội cho ai...”

Hoàng Long Hải

## *Xin nói vài lời*

Người ta thường nói “Lịch sử đã sang trang”. Nhìn lại quá trình lịch sử nước ta từ khi Tây đô hộ hơn 150 năm, con số cũng đã quá dài. Trong suốt thời gian ấy, người Việt gánh chịu bao nhiêu đau tủi của một kiếp dân nô lệ, cũng muốn quên đi, mặc dù đôi khi người ta cũng không thể quên câu hát: “Người Việt Nam, xin đừng quên hơn tám mươi niên...” Tám mươi năm nô lệ đấy, kể từ Hiệp ước Patenôtre ký năm 1885.

Trong suốt thời gian từ khi mất nước, đến hôm nay, có biết bao nhiêu anh hùng, anh thư lịch sử đã vì nước hy sinh, khiến những ai có lòng với Dân tộc, mỗi khi nghĩ tới không khỏi cảm khái xót thương. Tiếng súng đơn độc của Cô Giang tự bắn vào đầu ở làng Thổ Tang đâu đã mau quên. Cũng không thiếu những người quay lưng lại với vua, với Nước, với Dân vì, nói theo cách của người xưa chỉ là bởi một “miếng đỉnh chung”. Nói cho thật, kẻ yêu nước thương nòi, chỉ là “lá mùa thu, sao buổi sớm”, như Nguyễn Trãi viết trong “Bình Ngô Đại Cáo”, mà kẻ phản quốc cầu vinh, đếm không thể nào hết.

Cũng may, điều người ta nghĩ đến, như người ta thường nói là “cái Tâm”. Nhờ cái tâm đó mà người ta còn hiểu nhau, còn thương nhau, như cái Tâm của ông Đại tướng, tôi trích dẫn sau đây:

Trước khi Đại tướng Cao Văn Viên qua đời năm 2008 ở Virginia, nhà văn Giao Chỉ, từ San José lên thăm ông, viết lại một bài ký sự, có những câu, những ý, làm cho người đọc không khỏi mỉm lòng:

“Lời người xưa còn vắng bên tai. **Bại binh chi tướng, bất khả ngôn dũng.** Tướng lãnh thua trận, không thể nói mạnh. **Bây giờ là tháng tư, 30 năm sau ngòi đây mà đổ tội cho ai.** Nhất tướng công thành, vạn cốt khô. Mà công thành, có thành công cho cam.

....

“Hai mươi năm chinh chiến điêu linh và ba mươi năm lưu lạc tù đầy của cả đạo quân nay bỏ qua một bên để ngòi bàn về đường đi của Phật. Trước khi chia tay, tôi ngỏ lời xin đại tướng một di vật cho viện Bảo tàng. Ông nói: Tôi có còn gì đâu. **Bèn hỏi rằng hôm niên trưởng ra đi đem theo cái gì. Ông cho biết có cầm cái cặp. Bên trong có cuốn sách viết về đạo Phật.** (1)

Nếu không phải là người Việt Nam, một người Việt Nam chân chính, thì không thể có những ý nghĩ sâu sắc, hiền hòa và có hành động như thế được.

Đó là con đường mọi người Việt Nam phải đi, nên đi, là con đường trở về với Chân Nguyên.

Thế nhưng không phải ai ai cũng nghĩ như “Đại tướng của tôi”. Không phải ba mươi năm mà nay là bốn mươi năm, và sau này nữa: năm mươi năm... khi những người cùng thế hệ với đại tướng qua đi, con cháu họ vẫn còn ngồi lại đó, có còn hậm hực trách cứ, rằng **ai đã làm mất nước**, hay nói đúng hơn, làm mất những cái gì thuộc cá nhân mình, gia đình mình, giai cấp mình, tôn giáo mình, mà ít khi nghĩ xa hơn, là **dân tộc mình đã mất cái gì**, như câu tổng thống Thiệu từng nói: “Mất đất nước, mất tất cả.”

**Cái mà dân tộc của mình mất, chớ không phải mình mất.** Có người nghĩ như vậy!

Nhìn lại một quá trình lịch sử một trăm năm mươi năm nay, khi “Mất đất nước”, nghĩa là kể từ khi Tây nô lệ dân ta, thì dân tộc ta đã mất cái gì, mất cái gì mà đã kéo dài dai dẳng hơn cả trăm năm?

Dưới thời Quân chủ nhà Nguyễn, dù gì thì đất nước mình vẫn còn là của Dân tộc mình. Khi Tây cướp nước thì Dân tộc mất nước. Một dân tộc mất nước thì dân tộc đó chịu vòng nô lệ. “Một trăm năm nô lệ giặc Tây.”

Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, chủ trương giành độc lập. Toàn dân Việt Nam, từ Nam chí Bắc ủng hộ Việt Minh. Đó là cơ hội ngàn vàng để Việt Minh lập nên công trạng cho Dân tộc, ghi danh vào lịch sử. Nhưng họ đã không làm được. **Chính sách cai trị độc tài, đấu tranh và hận thù giai cấp, đi theo chủ nghĩa Cộng Sản... làm cho họ xa rời và làm phân ly với Dân tộc. Từ là kẻ có công, tự họ trở thành người có tội.**

Khi người Pháp trở lại xâm lăng nước ta một lần nữa, thực dân Pháp lại gây thêm tội lỗi. Những cuộc hành quân đốt nhà, cướp của, hiếp dâm phụ nữ, giết hại dân lành của những tên lính đánh thuê Ma-rốc, Senegal, những thằng Tây mắt xanh mũi lõ là những việc làm gây thêm thù hận, oán hờn trong dân chúng, khiến dân chúng ngã về phía đối nghịch.

Trong hoàn cảnh đó, Quân Đội Quốc Gia hình thành.

Quân Đội Quốc Gia có làm ngược lại những điều lính Tây đã làm, như khi chúng “đi lòng”.

Trên một bình diện nào đó, người lính Quân Đội Quốc Gia, từ khi mới hình thành, danh xưng là lính Bảo Vệ, được người dân quê mô tả bằng câu thơ: “Cắc búp tưng xeo, mấy thằng Bảo Vệ bắt heo đồng bào. Cắc búp tưng xòa, mấy thằng Bảo Vệ bắt gà bắt heo.”

Hiệp định Genève 1954 ra đời. Nước Việt Nam chia đôi ở vĩ tuyến 17. Chí sĩ Ngô Đình Diệm làm tổng thống Miền Nam Việt Nam, chính thể Việt Nam Cộng Hòa ra đời.

### ***Ưu thế của Tổng thống Ngô Đình Diệm:***

Ngay trước khi cầm quyền, dân chúng, đặc biệt ở miền Trung đã có lòng ngưỡng mộ ông Ngô Đình Diệm. Họ gọi ông là **chí sĩ** và nô nức đón chí sĩ về lãnh đạo Quốc gia, với hy vọng nhà cách mạng từng nổi tiếng từ quan chống Tây, đem lại cho dân chúng một đời sống an lành, thịnh vượng.

Ngày chí sĩ Ngô Đình Diệm về nước, có thể ở Saigon dân chúng đi đón ông không đông. Nhưng ở Huế, cũng như miền Trung thì khác hẳn. Dân chúng rủ nhau cầm cờ gióng trống đi đón ông đến nổi Phú Văn Lâu, nơi ông sẽ nói chuyện với đồng bào, “chân bước không lợt”, như người dân nói vậy.

Sau 9 năm chiến tranh, nhà cửa xóm làng điêu tàn xơ xác, kẻ chết người bị thương không ít, dân chúng trông chờ hòa bình, xây dựng lại đời sống của mình. Họ không mong ước gì cao hơn cuộc sống an lành, no cơm ấm áo.

Đó chính là thời cơ của ông Ngô Đình Diệm.

Không những được dân chúng miền Nam ủng hộ, tổng thống Ngô Đình Diệm được **gắn một triệu người Bắc di cư tôn vinh, cảm tạ ơn nghĩa, coi ông như là một vị cứu tinh.**

Ngoài số nhân lực gần một triệu người đó, người di cư đã đem vào miền Nam tài sản và tài năng trên nhiều lãnh vực của họ, khoa học kỹ thuật cũng như văn chương triết học, làm cho đời sống miền Nam phát triển hơn trước rất nhiều.

Thêm vào đó, sau 9 năm chiến tranh, dân chúng miền Nam cũng như người dân di cư có ý thức chính trị cao hơn. Họ biết rõ hay biết phần nào *Việt Minh là Cộng Sản*. Phải nói rõ Việt Minh Cộng Sản, không chỉ là Việt Minh mà thôi như khi công cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu.

Gọi Việt Minh Cộng Sản, tức người dân biết chế độ Bắc vĩ tuyến 17 là chế độ độc tài, độc tôn, tàn ác... và biết rõ thế nào cái gọi là “Cải cách Ruộng đất” ở Bắc Việt.

Trong viễn tượng đó, tinh thần chống Cộng, vừa có sẵn trong dân chúng, vừa được chính quyền miền Nam cổ xúy, vận động, càng lúc càng cao hơn nữa.

Người dân miền Nam, khi đã có ý thức chống Cộng Sản độc tài, thì việc học, việc làm, trong quân đội cũng như dân chúng, nhất là trong số thanh niên, sinh viên, học sinh càng sáng tỏ thêm lý tưởng họ đang theo đuổi.

Qua đó, tổng thống **Ngô Đình Diệm có cái công lớn: Lý tưởng hóa một Quân Đội. Từ Quân Đội Quốc Gia, bị “u ám” bởi hình ảnh những tên thực dân xâm lược, trở thành Quân Đội Cộng Hòa, có lý tưởng bảo vệ Tự do. Đó cũng là khuynh hướng chung của thanh niên, sinh viên, học sinh miền Nam vậy.**

Tổng thống Ngô Đình Diệm cai trị miền Nam vĩ tuyến 17, là nơi ông có lợi thế về kinh tế: Vừa lúa lớn nhất nước. Tổng thống Ngô Đình Diệm thực

hiện chương trình cải cách điền địa, nông nghiệp, xây dựng công nghiệp... Chẳng bao lâu miền Nam được ổn định, đời sống dân chúng, dù ở miền quê cũng được nâng cao ít nhiều.

Đây cũng là thời kỳ Viện Trọ Mỹ tuy chưa đạt tới điểm cao nhất, nhưng lại là tích cực nhất, để Quân Dân miền Nam, vừa xây dựng đất nước, vừa xây dựng Quân Đội trưởng thành, có đủ khả năng chống Cộng.

Khó khăn lớn nhất của Tổng thống Ngô Đình Diệm hồi bấy giờ là cán bộ. Cán bộ trung cấp, cao cấp của chế độ Miền Nam thời bấy giờ liệu có đủ khả năng để thực thi công việc được gọi một cách chính xác là cách mạng quốc gia.

Trong cuốn sách “Làm thế nào để giết một tổng thống”, tác giả Lương Khải Minh có kể lại một câu chuyện. Có người hỏi ông Ngô Đình Nhu đại ý (Anh) làm cách mạng cái gì khi cán bộ của (anh) là những người nguyên là cai đội khố Xanh, khố Đỏ, những người từng làm tri phủ, tri huyện hết cho Tây tới cho Nhật. Ông Ngô Đình Nhu trả lời “Lịch sử chỉ cho chúng ta chừng đó.”

Sự hạn chế của chế độ Việt Nam Cộng Hòa không chỉ ở trong hàng ngũ cán bộ cao cấp, trung cấp, mà ngay cả từng người trong **“Anh em nhà họ Ngô”**. Không chỉ xuất thân từ hàng quan lại, mà cả trong cái “tinh thần Nho giáo” của nhà họ Ngô, kể từ thân phụ Ngô Đình Khả, người ta đã thấy **sự hạn chế trong “tinh thần cách mạng”** mà ông **Ngô Đình Diệm chủ trương**. Cho rằng Nho giáo chỉ là một triết lý chính trị và luân lý, không phải là một tôn giáo, không trở ngại trong việc tôn trọng “Nho học” trái nghịch với việc thờ Chúa Giê-Su của mình, ông Ngô Đình Diệm tôn vinh Khổng Tử là bậc “Vạn Thế Sư Biểu”.

Trong ý nghĩa đó, trích dẫn lại nhận định sau đây của ông Đào Duy Anh, trong cuốn “Việt Nam Văn Hóa Sử Cương”, có lẽ thích hợp nhất với suy nghĩ và tâm lý của ông Ngô Đình Diệm:

*“Một đặc điểm quan trọng của khổng giáo là lẽ thiên nhân cảm ứng. Phạm những hiện tượng trong vũ trụ như nhật nguyệt tinh vân, tứ thời lưu hành, cùng những hiện tượng trong xã hội, quốc gia và gia tộc, đều có một cái lý hồn nhiên chi phối. Song người ta không phải ai cũng có tính chất hợp với thiên lý ấy hoàn toàn. Kẻ tiểu nhân và bậc quân tử và thánh nhân khác nhau là theo cái trình độ khắc phục nhân dục mà theo thiên lý. Trong loài người gần với thiên lý nhất là thánh nhân rồi đến quân tử, cho nên thánh nhân là người được trời ủy cho cái thiên chức thống trị nhân dân, tức là thiên tử, còn quân tử là những người giúp vua mà cai trị nhân dân, tức là các quan...”*

(VN Văn hóa Sử cương – Đào Duy Ah, trang 215)

**Ngoài sự hạn chế trong “tinh thần cách mạng” của tổng thống Ngô Đình Diệm khi ông tự coi mình như một thiên tử, mà không hẳn là**

*một người rao giảng đạo Chúa, thì anh ông, tổng giám mục Ngô Đình Thục, che dấu dưới cái áo chống Cộng để phát triển đạo Thiên Chúa La Mã ra toàn thể dân chúng miền Nam, mà thực chất là ham muốn cái ghế “Hồng Y tiên khởi” để rạng danh cho ông và cho họ nhà Ngô Đình.*

*Mặt khác, dưới khuôn mặt khắc khổ và không kém phần nham hiểm, ông Ngô Đình Nhu, “chìm đắm” trong cái ảo tưởng một nhà chính trị xuất sắc, mê mẩn với học thuyết lấy một chủ nghĩa để chống một chủ nghĩa, Dĩ độc trị độc, một chế độ độc tài chống lại một chế độ độc tài, là một trong những nguyên tắc chống Cộng căn bản, để thực hiện nhiều mưu đồ độc ác, giết chóc, thủ tiêu cả những người đã từng hoan nghênh, ủng hộ ông Ngô Đình Diệm như Nguyễn Bá Toản, Nguyễn Phan Châu (Tạ Chí Diệp).v.v.. khi ông Diệm mới cầm quyền lãnh đạo đất nước.*

*Ở miền Trung, Ngô Đình Cần là một trợ thủ đắc lực cho chế độ nhà Ngô, trở thành một lãnh chúa với nhiều tham lam và độc ác.*

*Những người chung quanh anh em nhà họ Ngô, tề hơ n cả những người “giúp vua trị nước” như dưới chế độ quân chủ nhà Nguyễn, mà chỉ là những người muốn làm vui lòng, thỏa mãn anh em nhà Ngô để mưu lợi cá nhân, trong khi anh em họ, ai cũng là tổng thống cả. Tổng thống Ngô Đình Diệm từng nói với ông Võ Như Nguyễn: “Tôi đã nói với họ rồi, chỉ có một tổng thống thôi.” (xem phụ lục)*

*Trong một chế độ anh em nhà họ Ngô ai cũng là tổng thống, biểu tượng là 5 con chuột đục khoét một trái dưa hấu như trong bức tranh bìa tết của báo Tự Do năm 1960, và bóng thập tự giá của Giáo hội La Mã làm u ám của bầu trời Tự do của miền Nam VN, thì chế độ đó gọi là phục vụ dân tộc thế nào được.*

*Tề hơ n thế, khi thấy quyền lực của mình bị lung lay, anh em nhà họ Ngô men bắt tay với kẻ thù, phản lại hai thế lực Đế quốc Mỹ và Đế quốc Vatican, hậu thân của Đế quốc La Mã, (1) hai thế lực này câu kết với nhau, trao cho ông Ngô Đình Diệm một nhiệm vụ vừa có tính cách chính trị vừa tôn giáo. Chính sự phản bội này đưa anh em nhà Ngô tới chỗ chết.*

*Những cái chết đó, không phải do hậu quả của những cuộc đấu tranh của Phật giáo đồ, bởi vì nếu Mỹ không bật đèn xanh để cuộc đấu chánh diễn ra, thì đạo Phật, một lần nữa, bị đàn áp thẳng tay, còn tàn*

*tệ hơn những cuộc đàn áp diễn ra hồi cuối thế kỷ 19, do “liên minh” giữa các ông cố đạo người Tây dương và lực lượng quân sự Pháp xâm lược. Trong thế giới văn minh ngày nay, chưa có một chính quyền nào dám đem quân tấn công vào nơi thờ tự tôn giáo, đánh đập, bắt giam tu sĩ... Đó là hành động xuẩn ngu và liêu lĩnh bậc nhất ít ai dám làm.*

Trong suốt thời kỳ “Ba năm xáo trộn”, quyền cai trị đất nước ở trong tay hàng quân nhân tướng lãnh, làm cho dân chúng lo sợ. Một đất nước không có những định chế tự do, dân chủ, không có hiến pháp, không có những nhà lãnh đạo đất nước do dân bầu, luật pháp tùy tiện, các tướng trẻ, hăng hái, nhiệt tình nhưng lại bốc đồng, ai biết số phận ai sẽ ra sao. Trong viễn tượng đó, cuộc đấu tranh của Phật giáo, không phân biệt miền Trung hay miền Nam, không phân biệt Việt Nam Quốc Tự hay Ấn Quang, có một mục đích chung là:

“Cuộc đấu tranh của Phật Giáo Đờ miền Trung năm 1966 có mục đích tốt đẹp của nó: Buộc giới *Quân Sự* phải trao quyền cai trị đất nước lại cho giới *Dân Sự*, buộc phải có *bầu cử tự do* để có *Tổng Thống, Thượng Viện, Hạ Viện, Tối Cao Pháp Viện*, có Hiến Pháp, có “*Tam Quyền Phân Lập*” do dân bầu. Đó là nền tảng của một chế độ *Dân Chủ*, là mở ra một nền *Cộng Hòa* cho *Miền Nam Việt Nam*: Chế độ *Đệ Nhị Cộng Hòa*, như nó đã có, như báo chí, sách sử đã gọi.” (Phục hưng Tinh thần Ngô Đình Diệm, in trong “Theo Dòng”, cùng tg, do Văn Mới xuất bản)

Xin trích lại nhận định sau đây, in trong cuốn sách “Biến loạn miền Trung” của ông Lê Xuân Nhuận về tình hình lúc ấy, tác giả viết như sau:

*“Tháng 3 năm 1966, nhân dịp Trung-Tướng Nguyễn Chánh Thi (Tư-Lệnh Quân-Đoàn I ở Vùng I Chiến-Thuật, mà bản-doanh đóng tại Đà-Nẵng), vì công-khai chỉ-trích hai Tướng Thiệu+Kỳ là bất-công và tham-những, nên bị cách-chức; đồng-bào Đà-Nẵng đứng lên biểu-tình, rồi Huế cũng xuống đường theo. Đa-số là Phật-Tử. Tại Saigon các Tướng Thiệu+Kỳ và Đại-Sứ Mỹ Henry Cabot Lodge, Jr. điều-đình với Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, kết-quả là Viện Hóa-Đạo tuyên-bố không chống chính-phủ mà chỉ đòi hỏi bầu-cử và thành-lập chính-phủ dân-sự.* (tg gạch ở dưới và in đậm)

Trong tình hình và hoạt động như thế, cuộc đấu tranh của Phật giáo đờ năm 1966, nhìn chung khắp miền Nam, là có ý nghĩa và lý tưởng rõ rệt. Đó là nỗ lực chính, động cơ chính, là lý do chính đáng để Hội Đồng Quân Lực cho thực hiện những cuộc bầu cử năm sau đó (1967) để thành lập nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Nếu không có nó, chắc chi các tướng lãnh chịu rời bỏ quyền lực, như tuyên bố của tướng Kỳ là một minh chứng: “*Hoãn bầu-cử, và chính-phủ quân nhân sẽ cầm quyền thêm một năm nữa.*”

Cuộc đấu tranh của Phật tử miền Trung năm 1966 có nhiều lỏng lẻo về tổ chức, nhiều phần tử len lỏi vào: Việt Cộng (như Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường...), cơ hội (như Lê Tuyên, Ngô Văn Bằng), cực tả (như Hoàng Văn Giàu), thiên tả + chống Thiên Chúa giáo La Mã như Bác sĩ Lê Khắc Quyến, Giáo sư Bùi Tường Huân), đảng phái (như Trần Mậu Tý, Đại Việt).

Sự phức tạp và lợi dụng ấy, liệu có thể tránh được không?

Được hay không, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình biết đấy, khi Vũ Ngọc Nhạ, Huỳnh Văn Trọng xuất hiện công khai và hợp pháp ngay trong Dinh Độc Lập.

Khi Huỳnh Văn Trọng, Vũ Ngọc Nhạ là Việt Cộng nằm vùng, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có thể là Việt Cộng luôn nữa hay không? Khi Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường là Việt Cộng, thì ông Trí Quang, ông Thiện Minh, Giáo sư Bùi Tường Huân... có là Cộng Sản hay không?

### ***Sự thất bại của chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa***

Một điều không thể phủ nhận là ***“Cộng Hòa của Tổng thống Thiệu tốt đẹp hơn Cộng Hòa của Tổng thống Ngô Đình Diệm nhiều lắm”***. Đó là nhận xét chung của nhiều người.

Trước hết, “Chế độ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có đối lập”. Nói như thế, có nghĩa là chế độ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có Dân Chủ, có Tự Do. Nếu không có nó, làm sao có đối lập.

Trong chế độ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, số đối lập không ít. Có thể đó là những cá nhân, nhiều đoàn thể, nhiều tôn giáo. Không có cá nhân nào bị thủ tiêu như Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Phan Châu, hoặc bị tù, đưa ra tòa như Bác sĩ Phan Quang Đán như dưới chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. (2)

Tuy nhiên, nói theo cách thông tục của nhiều người ***“Ông Thiệu bất phùng thời”***.

Khi Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng thống, năm 1967, mọi người đã chán chiến tranh. Ở Mỹ, phong trào phản chiến lên đã cao, chỉ một năm sau (1968), đạt tới cao điểm.

Chính quyền Mỹ thay đổi chiến lược bao vây Trung Cộng. Thay vì áp dụng chiến lược Domino, Tổng thống Mỹ tìm cách bắt tay với Bắc Kinh. Ngày 21 tháng 2 năm 1972, Mao Trạch Đông đón Nixon ở Trung Nam Hải. Một năm sau Hiệp Định Paris ký kết. Phía ***Mỹ không những rút lui mà còn cắt viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa, không chỉ trói tay Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu mà còn trói tay cả binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa.***

Qua đánh thăm dò Phước Long, ngày 10 tháng 1 năm 1974, Hoàng Sa 19 tháng 1 năm 1974, Cộng Sản Bắc Việt thấy rõ Mỹ chạy làng, bèn tổng tấn Công miền Nam qua trận đánh Ban Mê Thuột 10 tháng 3 năm 1975. Tháng Tư 1975, miền Nam hoàn toàn sụp đổ.

***Có một điều đáng ghi nhớ: Trong quá trình hình thành Việt Nam Cộng Hòa Đệ Nhất cũng như Đệ Nhị, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu được một lợi thế: Thanh niên miền Nam có lý tưởng chống Cộng Sản Bắc Việt xâm lược. Điều đó phải khẳng định***

Và cũng dễ hiểu!

Đối với dân chúng, tâm lý chung là mong muốn một cuộc sống an lành, ấm no, tự do... Khi người Pháp xâm lăng nước ta (từ 1862), khi quân Pháp tái chiếm Việt Nam (1945), là làm cho đời sống dân chúng trở thành bất an, đói khổ và hiểm nguy.

Khi Cộng Sản Bắc Việt đem quân xâm lược miền Nam (từ 1960), họ cũng đã thực hiện những điều như thực dân Pháp đã làm trước kia: Gây chiến tranh, bất ổn, xáo trộn, đói khổ, khủng bố và nguy hiểm cho dân chúng miền Nam. Tất cả những hành động ấy, dù từ phía nào, dù che đậy như thế nào, cũng chỉ phỉnh gạt một số người, còn phần đông dân chúng thấy rõ bộ mặt thật của nó. Những hiện tượng được báo chí mô tả là ***“Bỏ phiếu bằng chân”, nói rõ ra là chạy trốn Cộng Sản, cho chúng ta thấy được tâm lý người dân miền Nam VN.***

&

**Nhìn lại một quá trình lịch sử hơn một trăm năm, chúng ta thấy gì?**

Chế độ nào là chế độ của dân vì dân, phục vụ cho dân?

Không lẽ đó là chế độ Thực dân?

Không lẽ đó là chế độ Quốc Gia, Đệ Nhất Cộng Hòa, chế độ của giai cấp thống trị xã hội Việt Nam thời kỳ ấy, một giai cấp hình thành từ những người theo Tây, từ những người Tây học, từ những *nhóm người chia sẻ một vị trí giống nhau trong hệ thống phân tầng xã hội*”, như nhà xã hội học người Mỹ [Rodney Stark](#) (3) định nghĩa.

Nói rõ hơn: sự hình thành giai cấp thống trị thời Pháp thuộc, theo tư tưởng của Weber, là nhóm người có *“cơ may sống” giống nhau, được xác định bởi vị trí kinh tế trong xã hội, những sản phẩm mà họ sở hữu và những cơ hội đối với thu nhập của họ.* Theo xã hội học hiện đại, đó là tất cả những gì thuộc về tài sản, của cải.

Trong viễn tượng đó, giai cấp thống trị nào thì chế độ đó. Vậy thì, kể từ khi Tây đô hộ nước ta, hình thành một giai cấp mới, chế độ cai trị là của giai cấp đó. Chế độ nào là chế độ chủ trương **“Dân vi bản”** như thời Quân chủ



nước ta ngày trước. Chế nào nào là chế độ phục vụ cho dân chúng, hay chỉ là chế độ phục vụ quyền lợi của giai cấp thống trị mình mà thôi.

Khi đã không có mục đích Dân tộc, thì làm sao có chế độ phục vụ cho Dân tộc.

Tiến trình đó kéo dài tới năm 1954, khi Miền Bắc lọt vào tay Cộng Sản và Tháng Tư năm 1975, khi Cộng Sản cai trị toàn bộ đất nước!

Nếu nhìn theo lăng kính bị cộng Sản tuyên truyền, chế độ Cộng Sản có phục vụ cho dân chúng hay không? Đó chỉ là tuyên truyền, mang cái áo giả “Chủ nghĩa Dân tộc” mà thực chất là “Chủ nghĩa Cộng Sản”.

Nhìn về trong nước, giai cấp thống trị hiện nay là 3 triệu đảng viên Cộng Sản. Đảng của họ đang phục vụ cho dân hay ngược lại: Dân chúng đang phục vụ cho giai cấp đảng viên thống trị.

Nói chung, **cái hại của Cộng Sản đối với Dân tộc** về nhiều mặt: Chính trị, Xã hội, Văn hóa, Giáo Dục... không sao kể hết được. Cái hại không những bây giờ mà còn kéo dài về sau nhiều năm, có khi hàng chục năm, khó hàn gắn được.

Trong tiến trình lịch sử bốn ngàn năm, người Việt Nam nhiều lần mất nước với không ít hậu quả bi thảm.

Không kể những lần một triều đại sụp đổ, quyền hành vào tay một triều đại khác, cũng là người Lạc Việt, nhưng khi người Lạc Việt mất nước vào tay ngoại tộc, kết quả thật là đáng nào lòng.

### **Đơn cử vài ví dụ:**

**1/-Thục Phán mất nước vào tay Triệu Đà** (môt số nhà sử học không liệt kê nhà Triệu của Triệu Đà vào lịch sử nước ta).

Triệu Đà bèn khởi binh sang đánh Âu Lạc, An Dương Vương cậy có cái nỏ, không phòng bị gì cả, đến khi quân giặc đến gần chân thành mới đem nỏ ra bắn, thì không thấy hiệu nghiệm nữa. An Dương Vương mới đem Mị Châu lên ngựa mà chạy về phía nam. Chạy đến núi Mộ Dạ (thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An) gần bờ bể, vua thấy giặc đuổi kịp quá, mới khẩn Kim Quy lên cứu, Kim Quy nói rằng: “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy!” An Dương Vương tức giận quá, rút gươm ra chém Mị Châu đi, rồi nhảy xuống bể mà tự tận.”

(Việt Nam Sử Lược –

Trần Trọng Kim / cuốn 1 trang 24-25)

Chém Mị Châu là giết giặc, dù vô tình cũng là thông đồng với giặc. Tự tận là tỏ rõ trách nhiệm, danh dự của mình.

**2/-Trương Phụ, Mộc Thạnh biết là Quý Ly chạy vào Nghệ-an,** bèn đem binh đi đường bộ đuổi theo, lại sai Liễu Thăng đem thủy-sư đi đuổi mặt thủy. Quý Ly vào đến cửa Kỳ-la (thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) bị quân nhà Minh bắt được. Hán Thương và những con cháu họ HỒ đều bị giặc bắt được cả ở núi Cao-vọng. Những quan nhà HỒ, người thì ra hàng, người thì bị bắt, người thì không chịu nhục nhảy xuống sông tự-tử.

.....

Bởi thế HỒ quý Ly mới làm sự thoán-đoạt, và nhà Minh mới có cái cơ mà sang đánh lấy nước An-nam. Cũng vì cái cơ ấy, cho nên lòng người mới bỏ họ HỒ mà theo giặc, để đến nỗi cha con họ HỒ thua chạy, bị bắt, phải đem thân đi chịu nhục ở đất nước người!

Nhưng đây là cái tội làm hại riêng cho một họ HỒ mà thôi, còn cái tội làm mất nước Nam, thì ai gánh-vác cho Quý Ly?

(Việt Nam Sử Lược –

Trần Trọng Kim cuốn 1 trang 195)

**3/-Ngày 27, Tôn-thất Thuyết nghe tin có tầu Pháp sắp đến,** bèn xin tam cung ở lại Quảng-trị và xin rước vua lên Tân-sở. Khi sắp đi, vua Hàm-nghi vào lạy ba bà Thái-hậu: tình ly-biệt, nỗi sầu-thảm, kể sao cho xiết.

(Sđd trang 292)

Mấy năm sau, vua Hàm Nghi bị bắt và bị Tây đày qua Alger.

Đời Nguyễn còn có hai cha con đều là vua. Đó là vua cha Thành Thái, vua con là Duy Tân, cùng bị đày sang đảo Reunion, thuộc châu Phi.

Nhìn chung, nếu không kể Kỳ Ngoại hầu Cường Để, ông vua không ngai, lưu vong ở Nhật, thì nhà Nguyễn có 13 đời vua. Ba ông bị đi đày.

**Ba mươi tháng Tư, người Việt Nam lại mất nước lần nữa.** Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lưu vong, 5 ông tướng và một số sĩ quan, binh sĩ tự tận, và có một ông đại tướng cũng lưu vong, khi ra đi mang trong “hành trang” một cuốn Kinh Phật.

**Mất nước!**

**Lỗi tại ai?**

Bên tai người viết văng vẳng câu: *Bây giờ là tháng tư, 30 năm sau ngời đây mà đổ tội cho ai.*

Đổ tội cho ai?

### A)-**Hoa Kỳ**

Như bao lâu nay, người Việt Hải ngoại, mỗi khi nói tới ngày “mất nước”, vẫn đổ tội cho người “Mỹ chạy làng”, “đem con bỏ chợ”.

Nước Mỹ đã đổ vào Việt Nam bao nhiêu tiền của, hy sinh 58 ngàn sinh mạng cho chiến trường nước ta. Họ làm việc đó cho ai? Cho dân tộc Việt Nam hay dân tộc Mỹ.

Khi nước Mỹ ở vào tình thế không thể kham nổi cuộc chiến tranh hao người tổn của, khi đã có phương cách bảo vệ và phát triển quyền lợi của dân tộc họ theo con đường khác, thì họ còn đeo đuổi cuộc chiến tranh này làm gì. Người Mỹ có quyền lợi của họ, bảo vệ tính mạng cho dân của họ. Họ không thể đem dân của họ bảo vệ dân ta, đem tiền của của họ để nuôi dân ta, kéo dài cuộc chiến. Ai có dân tộc đó, ai có đất nước đó. Nhiệm vụ của họ là bảo vệ dân tộc và đất nước họ. Chúng ta trách cứ họ làm sao được?!

### B)-**Tổng thống Ngô Đình Diệm**

Cũng có người cho rằng nếu Tổng thống Ngô Đình Diệm còn cầm quyền, tiếp tục công việc cai trị, lãnh đạo của ông, không bị người Mỹ vì “Vụ Phật giáo” mà lật đổ, giết chết, thì miền Nam sẽ tồn tại, không bị mất vào tay Việt Cộng năm 1975. Nghĩ như thế, họ bèn đổ tội cho Mỹ và cho Phật giáo đồ.

Không như các bậc tiền nhân trong lịch sử, như Ngô Quyền, Lý Công Uẩn, Lê Lợi, Tổng thống Ngô Đình Diệm là một người lãnh đạo đất nước không phải từ dân chúng mà ra.

Có hai thế lực đưa ông Diệm cầm quyền: Một là *Đế quốc Mỹ*, hợp ý cùng *Đế quốc Vatican*. Trong viễn tượng đó, ông Diệm có hai trách nhiệm đối với những thế lực Quốc tế đưa ông lên ngôi vị cao nhất ở miền Nam VN. Trách nhiệm thứ nhất là thực hiện công việc chống Cộng Sản bành trướng về phía Nam vĩ tuyến 17. Người Mỹ, – như báo chí thời kỳ đó bàn luận -, công việc chống Cộng ở miền Nam VN đã giao ông Ngô Đình Diệm bao thầu -. Thứ hai là trách nhiệm với Đế quốc Vatican, trong ý đồ phát triển Đế quốc hậu La Mã này bành trướng ở miền Nam VN.

Khi gặp vụ Phật giáo, thấy nguy cơ có thể bị Đế quốc Mỹ bỏ rơi, Tổng thống Ngô Đình Diệm quay lưng lại với những thế lực đã đưa ông lên cầm quyền, bằng cách bắt tay với kẻ thù của hai thế lực nói trên.

Người ta thấy Tổng thống Ngô Đình Diệm làm hai điều phản bội: Một là phản bội Dân tộc khi ông cầm quyền lãnh đạo đất nước với nhiều sai lầm, – phần nhiều từ anh em ông -, ông vẫn là người chịu trách nhiệm. Thứ hai, phản bội người Mỹ đã hết lòng giúp đỡ và viện trợ cho chế độ do ông cầm quyền.

### C)-**Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.**

Cũng có người qui tội cho Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu làm mất nước?

Không thể phủ nhận Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu là người chống Cộng tích cực nhất, mặc dù khi cầm quyền ở miền Nam, ông chịu rất nhiều áp lực, kể cả hăm dọa, từ phía người Mỹ. Sau hiệp định Paris 1973, về phía Mỹ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bị trói tay, không những về cá nhân ông, chính phủ của ông mà cả toàn thể Quân lực VNCH.

Trong khi đó, vào khoảng cuối năm 1974, đầu 1975, do sự hỗ trợ và áp lực nào mà nhiều phong trào nổi lên chống Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đòi ông phải từ chức. Các phong trào chống Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nổi đình đám là “Phong trào chống tham nhũng” của Linh mục Trần Hữu Thanh, Đinh Bình Định, Nguyễn Kim Bính và “Phong trào Ký giả đi ăn mày”.

Những danh xưng nói trên chỉ là ngụy trang. Mục đích đích thực của những phong trào này là **“lật đổ Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu”**.

Hoàn cảnh miền Nam VN bây giờ rất khó khăn, nhất là về phía người Mỹ **đang chuẩn bị “chạy làng”**. Kể từ đầu năm 1974, sau khi “đánh thăm dò” Phước Long và Hoàng Sa, thấy phía Mỹ không có phản ứng mạnh mẽ, như họ từng tuyên bố trong lúc điều đình để ký hiệp định Paris 1973, quân Cộng Sản gia tăng hoạt động trên khắp cả chiến trường của 4 Vùng chiến thuật. Tiền VNCH bị mất giá, kinh tế gặp khó khăn vì thiếu viện trợ... Người lính trên chiến trường có súng nhưng thiếu đạn. Xe cộ, xe tăng thiết giáp, máy bay bị thiếu xăng. Trong hoàn cảnh đó, biểu tình, đấu tranh đòi lật đổ tổng thống, chính phủ thì cái lợi thuộc về ai?

Khi biết không còn được sự ủng hộ của người Mỹ nữa, khi biết người Mỹ muốn ông ra đi thì Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Trong hoàn cảnh đốn đau như thế, nếu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không rơi nước mắt khi bước chân lên máy bay mới là điều đáng nói!

#### D)- **Đại tướng Dương Văn Minh**

Có thể tội lỗi là ở Tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng. Thế nhưng, khi nhắc lại sự kiện này, người ta không khởi lại trường hợp Thống chế Pétain đầu hàng Phát Xít Đức năm 1941, khi Quân đội Hitler chuẩn bị tấn công Paris.

Dĩ nhiên, người ta chê trách một ông tướng Pétain hay ông tướng Dương Văn Minh hàng giặc, có kẻ gọi ông là Pháp gian như người ta từng gọi Việt gian, mặc dù, trong Thế giới Chiến tranh Thứ Nhất, tướng Pétain là người chỉ huy quân đội Pháp, giữ vững phòng tuyến Verdun, bảo vệ Paris. Không chỉ dân chúng Pháp mà nhiều nước trên thế giới gọi ông là “Anh hùng”.

Nhưng tại sao ông phải chịu nhục nhã làm một bại tướng ký giấy đầu hàng. Không ít người khi nhìn tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn (Arc De Triomphe) hay toàn cảnh thủ đô Paris, thì biết tới công lao của ông Pétain khi đứng ra đảm nhận công việc nhục nhã đó: Cứu Paris.

Súng đạn quân thù đã sẵn sàng. Nếu không có người thay mặt cho nước Pháp ký nhận đầu hàng, Paris sẽ thành bình địa. Không cần giải thích, không ít người hiểu được việc đầu hàng của Tướng Dương Văn Minh, không khác bao nhiêu với việc làm của Thống chế Pétain 39 năm trước đó.

Vậy thì mất nước là tại ai?

E)-**Tên tội đồ Dân tộc (?)**.

*Là ông Trí Quang chăng?*

Ông là người chịu trách nhiệm về cuộc đấu tranh của Phật giáo đầu năm 1966, trước ngày miền Nam sụp đổ 9 năm. Nếu cuộc đấu tranh đó là có hại, làm cho miền Nam sụp đổ, thì sự sụp đổ đó mãi 9 năm sau mới xảy ra. Xa quá chăng?

Nếu cuộc đấu tranh đó là có hại cho dân tộc, thì chế độ Đệ Nhị VNCH cũng có hại cho dân tộc chăng? Bởi vì, chính vì cuộc đấu tranh đó, giới tướng lãnh cầm quyền ở miền Nam lúc đó mới chịu buông quyền lực, tổ chức bầu cử để thành lập nền Cộng Hòa Thứ Hai ở miền Nam. Các tướng lãnh khi buông quyền lực, tái lập dân chủ cho miền Nam, qua Chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa là có tội cả chăng?

Nếu cuộc đấu tranh đó là có hại cho Dân tộc, thì những người cầm quyền miền Nam sau cuộc đấu tranh đó, những người ở trong ngành hành pháp như tướng Nguyễn Văn Thiệu, tướng Trần Thiện Khiêm, những người trong ngành lập pháp Thượng Hạ Viện, trong ngành tư pháp, có thể gán chung “một bè” với ông Trí Quang hay sao? Có cái trước mới có cái sau. Quan hệ nhân quả là như thế đấy.

*Nếu nhìn vấn đề theo đúng luận lý, khi chính tội đồ là kẻ đã làm mất đất nước, – tội “chính danh thủ phạm” là ở người này -, thì những người khác, nước khác từng bị qui tội, sẽ trở thành những người vô tội.*

*Chính quyền Mỹ, hay các ông như Tổng thống Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Tướng Trần Thiện Khiêm, Tướng Dương Văn Minh, cả Giáo hội Thiên Chúa La Mã và cả những người đã vận động đánh đổ chính quyền của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vào cuối năm 1974, đầu năm 1975, đều trở thành những người vô tội. Đã có người chịu trách nhiệm cho họ rồi. Họ phủ tay.*

*Tất cả đều vô tội với Dân tộc, ngoại trừ ông Trí Quang (?)*.

*Theo cách nhìn đó, thì việc đổ tội cho ông Trí Quang, đâu phải chỉ có lợi cho đám “Phục hưng Tinh thần Ngô Đình Diệm”, mà còn có lợi cho cả Đế quốc Mỹ và Đế quốc Vatican nữa đấy.*

Cũng không phải chỉ là một mình ông Trí Quang.

Vấn đề là những tín đồ Phật giáo, nhất là Phật giáo miền Trung, có tinh thần Dân tộc, tích cực chống Cộng Sản, chống Đế quốc Mỹ và cả... Đế quốc Vatican.

Nói như thế, tội đồ Dân tộc không phải chỉ là một mình ông Trí Quang mà tất cả những ai từng tham gia cuộc tranh đấu chống lại giới quân sự cầm quyền năm 1966, trước khi họ giao chính quyền lại cho dân sự. (4)

Người ta thường nhìn lại một quá trình lịch sử, kể từ Tây đô hộ nước ta, mãi đến Tháng Tư/ 75. Ấy là chưa nói đến tình hình hiện nay ở trong nước, đạo Phật đã vượt qua “Pháp nạn” hay chưa?

### **Pháp nạn bắt đầu từ đâu?**

Không cần phải nói tới câu “Đạo Pháp với Dân tộc là một”, một câu người ta nói quá nhiều nên nó trở thành sáo ngữ. Người ta cứ nhìn vào lịch sử người Pháp xâm lăng nước ta. Trong tiến trình đó, Dân tộc bị đàn áp, bị chà đạp. Đạo Phật ở trong Dân chúng. Vậy thì Đạo Phật có được Tây thực dân né tránh hay nương tay hay không? Nói thẳng ra, các sư sãi, sự cụ, sự thúc, sự bá, chú tiểu... và Phật tử, nói rộng ra là người bên Lương (Lương dân) có tránh được cái số phận Dân tộc gánh chịu hay không? Chùa chiền, đền miếu, di tích... có được tôn trọng, bảo tồn hay không? Ấy là chưa kể, mấy ông Cố đạo người Tây dương, những kẻ lót đường cho Tây xâm lược, có kể công trạng, lợi dụng tình thế, để rao giảng đạo Chúa bằng kinh sách, tượng ảnh và cả tàu sắt súng đồng của Thực Dân Pháp.

Cũng trong cách nhìn như thế, làm thế nào có thể tách rời ông Trí Quang và Phật giáo đồ miền Trung ra khỏi toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam với toàn thể Dân tộc VN, những ai bị áp bức!

Cái số phận cay nghiệt Dân tộc phải gánh chịu, trong đó có cả đạo Phật là đạo phổ biến trong Dân tộc, chấm dứt lúc nào và ở đâu? Ở thời điểm nào, và ở đâu, Đạo Phật và Phật tử không còn bị kỳ thị, đàn áp tù đày.

Ngày nay, trước viễn ảnh chế độ Cộng Sản Hà Nội sắp đến ngày tàn lụi, cái cơ may thoát khỏi thân phận bị đè nén hơn một trăm năm nay đang lóe dạng ở cuối chân trời,

“**Người ta**” lo sợ một khi Việt Nam có được Dân Chủ, Tự Do thật sự, không còn bị đè nén bằng vũ lực, thì cơ may của đạo Phật đứng lên sẽ tới. Vậy thì **người ta** phải hè nhau mà chặn đứng cái cơ may của đạo Phật lại.

### ***Người ta đó là ai?***

Là những kẻ có lợi trong quá trình hơn một trăm năm đè đầu cưỡi cổ Dân tộc Việt Nam. Nói như thế là đủ hiểu cần chi phải hài rõ tên là Đế Quốc Mỹ hay Đế Quốc Vatican.

Thành ra, **việc kêu đích danh tên “tội đồ Dân tộc” ra mà qui tội chỉ là chuyện nhỏ.** Chuyện lớn là những âm mưu lâu dài núp ở đằng sau của những hành động ngu xuẩn của những tên tiểu tốt, vô danh.

Đó là vu cáo. Nó có từ lâu, từ khi “những thế lực” chống lại Dân tộc, thế lực Đỏ hay thế lực Xanh, cấu kết với nhau vì quyền lợi của chính họ.

Trở lại chữ **Tâm** của ông đại tướng, người ta thấy ***hiều người, nhiều đoàn thể, tập đoàn đi ngược con đường của ông đại tướng, còn trách cứ nhau, còn đổ tội cho nhau, vu cáo chụp mũ nhau.***

Vậy mà đòi hỏi đoàn kết đấu tranh chống Cộng, chuẩn bị nắm quyền cai trị đất nước sau khi chế độ Hà Nội ngày nay cáo chung, thì làm sao Dân tộc Việt Nam có được Dân Chủ, Tự Do, Nhân Quyền!?

## **Hoàng Long Hải**

### **Phụ chú:**

(1)-Nhờ Đế quốc La Mã mà đạo Thiên Chúa La Mã phát triển khắp châu Âu. Tham vọng hiện tại là Đế quốc Vatican muốn hình thành một nước Chúa, Dân Chúa, Quân Chúa như Đế quốc La Mã ngày xưa vậy.

Khi người Mỹ xây tòa nhà Quốc hội, họ cũng đặt tên là “Capitol”, “Capitol Hill” như điện Capitol của Đế quốc La Mã xưa kia. Nó không ở trong cái tham vọng muốn xây dựng lại một Đế quốc La Mã ở Tây Bán cầu hay sao?

(2)-Năm 1971, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về thăm Tri Thủy, làng quê của ông ở Phan Rang. Bấy giờ, một số tăng sĩ Phật giáo cũng như Phật tử chào mừng tổng thống. Nhân khi chuyện trò, các vị trên xin Tổng thống giúp đỡ cho việc xây một ngôi chùa ở làng đang dang dở. Tổng thống Thiệu nói nửa đùa nửa thật: “Tui có giúp mấy thầy, mấy thầy cũng theo Ấn Quang chứ không theo tui.” Ai nấy đều cười.

(3)-Nhà xã hội học người Mỹ **Rodney Stark** định nghĩa: *“Giai cấp là nhóm người chia sẻ một vị trí giống nhau trong hệ thống phân tầng xã hội”.* Tư tưởng của Weber, là nhóm người có *“cơ may sống” giống nhau, được xác định bởi vị trí kinh tế trong xã hội, những sản phẩm mà họ sở hữu và những cơ hội đối với thu nhập của họ.*

(4)-“Ngày nay, – trước 1975, tình trạng “người Huệ” ở Huế phân hóa dữ dội, nếu không muốn nói là “đâm chém nhau” khá tận tình... Họ, trong chính

quyền hay dân sự, tìm cách hại nhau, bằng nhiều thủ đoạn. Câu chuyện sau đây là một điển hình:

“Một hôm, không lâu trước ngày Thừa-Thiên triệt thoái rồi Vùng I lui quân, một số đơn-vị Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hoà đi hành-quân trong khu-vực của Chi-Khu Phong-Điền, thuộc Tỉnh/ Tiểu-Khu Thừa-Thiên, đã phá vỡ được một căn-cứ của Việt-Cộng, và tịch-thu được của chúng nhiều chiến-lợi phẩm, trong đó có một số tài-liệu quan-trọng, kể cả một Nghị-Quyết của Đảng-Ủy Liên-Khu IV về tỉnh Thừa-Thiên /Thị Xã Huế. Nghị-Quyết này đề-cập đến tình-hình các mặt của Việt-Nam Cộng-hòa tại Tỉnh liên-quan, nhiệm-vụ của chúng, và kế-hoạch cho một cuộc tấn-công mới, nhằm chiếm giữ thành-phố Huế lâu dài hơn, rút kinh-nghiệm từ cuộc tổng-công-kích vào mùa xuân năm 1968 – Tết Mậu-Thân.

“Như đã nói trên, nhiều tu-sĩ Kitô-Giáo đã tổ-chức cho tin-đồ mà là nhân-viên an-ninh ở tình-báo của các cơ-quan ở đơn-vị khắp nơi báo-cáo tình-hình, tin-tức mới nhất cho các linh-mục, ngay cả trước khi thực-hiện công-điện công-văn trình lên Cấp Trên của mình. Kết-quả hành-quân lần này cũng không ra ngoài lệ thường.

“Cho nên người ta đọc thấy đoạn-kết của bản Nghị-Quyết Việt-Cộng ghi rõ: sau khi chiếm được thành-phố Huế, dứt điểm Tỉnh Thừa-Thiên, chúng sẽ dựng lên một chính-quyền mới gồm toàn những “đồng-chí nằm vùng công-khai hợp-pháp” của chúng, đó là sáu nghị-viên đương-kim của guồng máy dân-cử sở-tại của Việt-Nam Cộng-Hòa mà đứng đầu danh-sách là ông Nguyễn-Khoa Phấn, Chủ-Tịch Hội-Đồng Tỉnh Thừa-Thiên, và Ông Nguyễn-Khắc Thiệu, Chủ-Tịch Hội-Đồng Thị-Xã Huế.

“Bộ Chỉ-Huy Tiểu-Khu Thừa-Thiên đã làm báo-cáo kèm với bản chụp sao các trang tài-liệu đánh máy của Đảng-Ủy Việt-Cộng nói trên, trình lên Bộ Tư-Lệnh Quân-Đoàn I và Quân-Khu I, bộ Tổng-Tham-Mưu, v.v...

“Chánh-Sở Đặc-Cảnh Thừa-Thiên/ Huế trình lên tôi, tôi trình lên Trưởng-Ngành Đặc-Cảnh Trung-Ương, rồi Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia (kiêm Đặc-Ủy-Trưởng Trung-Ương Tình-Báo) trình lên Tổng-Thống.

“Kết-quả trông thấy trước mắt là các ông Nguyễn-Khoa Phấn, Nguyễn-Khắc Thiệu, cùng bốn nhân-vật dân-cử nói trên, sẽ bị giải-nhiệm tức thời.

“Giải-nhiệm các nghị-viên Tỉnh/ Thị-Xã không phải là một việc khó...

“.....

“Ngay sau khi tài-liệu Việt-Cộng nói trên được Tiểu-Khu và Chính-Quyền Tỉnh Thừa-Thiên/ Thị-Xã Huế làm bản sao gửi đi các nơi, tôi được nguồn tin tin cậy báo riêng cho biết: đoạn-kết trong bản Nghị-Quyết Việt-Cộng ấy là do một nhóm dư-dãng Cần-Lao quá-khích thông-đồng với nhau mà ngụy-tạo thêm.

“Ông Nguyễn-Khoa Phấn, ông Nguyễn-Khắc Thiệu, và tất cả các nghị-viên có tên ấy đều là tín-đồ Phật-Giáo, có quan-hệ chặt-chẽ với Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, họ đồng thời cũng là đảng-viên quan-trọng của Đại-Việt Cách-Mạng-Đảng.

“Đạo-Phật và Đảng Đại-Việt, cùng các giáo-phái chính-đảng khác, đã bị chế-độ Ngô-Đình Diệm đàn-áp, và đã góp phần tích-cực vào việc lật-đổ chế-độ ấy.



“Hiện nay, Đại-Việt và Phật-Giáo đang ngăn chặn dư-dãng Cần-Lao, là một nhóm Kitô-Giáo và giáo-phái khác mà quyền-lợi vật-chất hoặc tinh-thần đã quá gắn bó với chế-độ Diệm, không để cho họ tái-lập quyền sinh-sát để trả thù cho gia-đình họ Ngô. “Từ nhiều năm qua, hầu như mọi quyền-hành pháp và lập-quy tại Tỉnh Thừa-Thiên/Thị-Xã Huế đều nằm trong tay Đảng Đại-Việt, và hầu như lần bầu-cử nào các liên-danh Phật-Giáo cũng thắng phiếu vào Hội-Đồng Tỉnh và Thị-Xã địa-phương. “Bây giờ thì nhóm Cần-Lao ấy, cái thiếu-số tác-yêu tác-quái đã là tác-nhân tác-hại cho chính Cố-Tổng-Thống Ngô-Đình Diệm và các anh em của ông phải mất mạng, và cho Đảng ấy phải tự xóa tên của mình, nhóm ấy đã lại nắm được vị-thế cầm đầu cả quyền hành-pháp lẫn ngành công-lực của Tỉnh-Thị rồi.

“Theo kế-hoạch thứ hai của linh mục Trần-Hữu Thanh và Nguyễn-Kim Bình, họ muốn gấp rút thanh-toán các phần-tử đối-ngịch hiện còn cầm đầu cơ-quan dân-cử của Tỉnh/Thị này.

“Đồng-thời với tin-tức mật riêng của tôi, đích-thân Chánh-Sở Đặc-Cảnh Thừa-Thiên Huế, Trương-Công Đằm, trình-bày với tôi là chính anh bị giao-phó công-tác thực-hiện việc giả-mạo đoạn văn vu-kehống các Nghị-Viên kia. “Anh là bạn thân của Trung-Tá Hoàng-Thế Khanh, hiện là cấp chỉ-huy tại chỗ của anh, nhưng việc này là “một tệ-nạn rất nguy-hiểm, vì nó là mầm mống gây thù-nghịch ngay trong hàng-ngũ của những người cùng một chiến-tuyến”. Do đó, vì “Trung-Thực” và vì “Chính-Tâm”, anh đã chọn đặt chính-ngĩa lên trên tình-cảm hay quyền-lợi cá-nhân, nên anh liền báo-cáo Sự Thật lên tôi.

“Tài liệu nguy tạo của Nguyễn-Hữu Duệ thì chỉ đi theo hệ-thống báo-cáo tình-hình, chứ không thông qua kỹ-thuật kiểm-tra, và lại vấn-đề Việt-Cộng chủ-trương tái-diễn biến-cố Tết Mậu-Thân ở Huế là điều hầu-như mọi người đình-ninh là chuyện đưong-nhiên, nghĩa là các cấp nhận được báo-cáo đều tin chắc nội-dung là đúng 100%.

“Tôi liền lấy bản chụp sao Nghị-Quyết ấy ra xem lại, chú ý nhìn kỹ thì thấy, dù bằng mắt thường, quả thật đoạn cuối đã được đánh máy bằng một máy chữ khác, khác hẳn với các trang trước và với đoạn cùng trang.

“Tôi lặng người đi một lát, rồi nhắm mắt ôn lại lời dạy của Đức Phật Thích Ca: “Oán cừu nên cởi, không nên buộc”. Năm trăm năm sau, Đức Giê-Su cũng rao giảng như trên: “Hãy hết sức mình sống hòa thuận với mọi người... Đừng tự mình trả thù ai... Đừng để điều ác thắng mình nhưng hãy lấy điều thiện mà thắng điều ác!”

(Romans 12:18, 21). Tôi lại lật lùi, đọc thêm trang sách Proverbs 10: 12 “Tính ghen ghét phát sinh tranh chấp, chỉ có lòng thương yêu mới lấp hết tội-kehiên.” Trước hết, và trên tất cả là “Mười Điều Răn” đã có từ xưa, trong sách Exodus 20:16 “Các con không được làm chứng gian để hại người xung quanh”...

“Kể từ biến cố 1-11-1963, đã mười hai năm trôi qua, Đệ-Nhất Cộng-Hòa không còn, mà một nhóm nhỏ phần-tử thân-Diệm còn rời rớt lại vẫn còn hiểm độc như thế. Họ mới gặp dịp chó-ngáp-phải-ruồi góc đầu lên được một chút mà đã gian-manh bày mưu thâm, tính kế hiểm vu-oan giá-họa để hãm-hại người khác

*tín-nguỡng ngay, huỡng gì khi cái chế-độ độc-tài độc-tôn ấy đang còn phủ trùm lên khắp quê-hương, mà họ lại nắm quyền trong tay, thì họ đã tác-yếu tác-quái đến mức nào.*

*“Nếu vụ nguy-tạo tài-liệu Việt-Cộng ở Huế mà đạt kết-quả do họ mong muốn, rồi các nơi khác cũng sẽ noi theo – giống như kế-hoạch biểu-tình, Huế mà làm xong là các nơi khác cũng sẽ làm theo – không cần Tỉnh-Trưởng, Tư-Lệnh Hành-Quân, chỉ cần bất-cứ một cá-nhân nào có thể báo-cáo tin-tức, chuyển trình tài-liệu, là đã có thể thêm thắt theo ý của nhóm chủ-trương: hậu-quả sẽ như thế nào trên khắp vùng đất gọi là Miền-Nam Tự-Do?”*

*“Tôi không là người của bất-cứ một chính-đảng hay giáo-hội nào; mà Trương-Công Đám thì cũng không nặng-tình đậm-nghĩa với ai đến độ mù-quáng lý-trí và thui chột lương-tâm mà bao che cho lũ gian-manh. Huỡng gì anh đã thấy rõ là chúng sẽ còn lợi-dụng anh thêm trong nhiều âm-mưu tiếp theo.”*

*(“Biến Loạn Miền Trung”*

**Lê Xuân Nhuận,**

trang 406, 407, 408)

**Phụ lục**

**Thư cụ Võ Như Nguyễn**

**gởi cho ông Hoàng Đồng Tiểu**

Pau 24-7-1977

“... Như Bác đã biết, tôi đã viết tập “Thế Nước Lòng Dân” năm 1956-57 mà anh em đã đệ trình Cụ Ngô và anh em đã ca ngợi tôi can đảm và nói thẳng công và tội của Cần Lao, của Phong Trào, của Tập Đoàn Công Dân v.v... Rồi năm 1957, như anh đã đọc tập thứ hai “Điều trần về các tổ chức có thể nguy hại đến chính thể Cộng Hòa Việt Nam”, tập này chỉ đánh máy có 6 bản gởi cho 5 anh em nhà họ Ngô. Tập này ký tên 30 người có cha Khai, Hay, Thọ, cả ông Lễ v.v... Tập này không phổ biến vì nói đến những tề đoan lớn của ông Cần và Tập Đoàn Công Dân và các vị Linh mục, bà Nhu v.v... Không công khai như tôi đã trình Bác lúc đó vì có hại là để cho Cộng Sản khai thác. ...

“... Năm 1963, như Bác rõ hơn ai hết, tôi ra lời tuyên ngôn tại Huế và bị ông Cần ra lệnh bỏ tù. Tôi có theo Phật giáo đầu, mặc dù trong khi Tập đoàn Công Dân của ông Cần mạnh, tôi từ chức ngang xưng Tỉnh trưởng Bình Định và đem cả gia đình, họ hàng quy y liền để cho ông Cần thấy. Tôi đã từng phá cửa ngỏ nhà ông Cần để vào nhà, đã từng đánh đập gia nô ông Cần trước mặt ông Cần và bảo rằng vào nhà này thêm nhục nhã vì vào đây không phải để mà đóng góp thật sự việc nước. Ông Cần lập hồ sơ Bác và tôi là gián điệp Pháp, cả Duyên nữa, bắt thẳng Quế khai là bọn mình và thẳng Thá gì đó (thằng nhà giàu ở đường Trần Hưng Đạo) đã liên lạc với tụi Tây... Ông Cần đã bắt giam Bác, cho người đến ám hại tôi... Bác Tiểu ơi, Bác rõ chuyện ấy hơn ai hết...”

“Tháng 9 hay 10 năm 1963, ông Cụ Ngô về Huế cho gọi tôi lúc 4 giờ chiều.

Hai Cụ cháu ngồi tâm sự với nhau cho đến 10 giờ tối. Hôm ấy tùy viên là Đại

úy Lê Châu Lộc đứng hầu sau lưng Cụ. (Hiện bây giờ Lê Châu Lộc ở Mỹ). Lê Châu Lộc đã nghe được câu chuyện giữa hai Cụ cháu tôi. Lê Châu Lộc lúc tiễn tôi ra cửa, hơn 10 giờ tối rồi có nói với tôi lần thứ nhất mà Lộc được nghe câu chuyện giá trị như vậy.

Hôm đó ông Cụ kể lại chuyện xưa, nhắc lại mấy tập tôi đệ trình Cụ, đề cập đến quyển “Con Đường Giải Thoát” của tôi, Phật giáo, Công giáo, chuyện trong gia đình và chuyện người Mỹ... Tóm tắt Cụ nói: *chú Cấn và thím Nhu có nhiều lỗi lầm, các vị Linh mục và cả Đức cha nữa cũng lầm lỡ, nhưng Nguyễn là nho học, Nguyễn có biết câu “Gia nan thiện hạ dị” không? “Chuyện nhà là vậy, khó giải quyết mau, để lần lần sửa chữa, nếu gấp, mau sẽ lâm vào cảnh “Bì oa trử nhục” của Nguyễn Nhạc, Huệ, Lữ, tôi biết cả và cũng vì bọn làm việc chung quanh cái gì cũng chạy đến thưa trình với chú Cấn, chú thím Nhu, Đức Cha. Tôi đã từng la rầy họ chỉ có một Tổng thống thôi như Nguyễn đã biết. Cụ lại nói rằng hiện đang bị khó dễ với Mỹ vì Mỹ muốn đem quân đội sang. Nếu quân Mỹ sang thì mình mất chính nghĩa, tạo đường tuyên truyền thuận lợi cho Cộng Sản. Mỹ đưa cố vấn là đã quá rồi. Tôi sẽ không chấp nhận, dân ta có đủ quân lính để đánh Cộng Sản. Mỹ chỉ giúp khí giới, phương tiện là thắng. Ngoài Bắc, Nga-Tàu nó giúp Cộng Sản mà nó có đưa quân qua đâu? Mỹ cũng muốn giao cho họ hải cảng và phi cảng, tôi có trả lời giao và không giao cũng như nhau, trong vấn đề chống Cộng thì dùng chung. Họ không bằng lòng, chắc là sẽ xảy ra nhiều chuyện không hay. Vả lại tôi và chú Nhu có ý dù hai miền Quốc-Cộng tranh chấp nhưng đều máu mủ ruột thịt, phải có biện pháp anh em giải quyết lấy chiến tranh, đỡ tổn hao sinh mạng, tài sản rồi bên nào kéo dài chung quy sẽ bị lệ thuộc vào một cường quốc và đất nước chia rẽ vì các cường quốc có ý định chia rẽ cả”.*

**Võ Như Nguyễn**

---

Chuyển đến: **Người Việt Gốc Ở**

Ngày 23/3/4893 – Giáp Ngọ (22/4/2014)

[www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)